

Bản án số:09/2025/DS-ST.
Ngày: 20-02-2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tuyên;

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cao - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 01 và ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Đình T; sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ tại: Xóm B, xã G, huyện G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31-10-2024, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lâm Đình T trình bày: Ngày 11/10/2021 ông có cho bà Lưu Thị H vay 10 chỉ vàng loại vàng 9999, khi nào ông cần thì bà H sẽ trả, khi ông cần ông đã đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Vợ ông là bà Đào Thị L đã chết năm 2022, số vàng này là của riêng ông, ông cho bà H vay không liên quan đến vợ con ông. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy buộc bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông 1 chỉ vàng loại vàng 9999 tương ứng giá vàng tại thời điểm xét xử là: 9.040.000 đồng/1 chỉ.

Bị đơn là bà Lưu Thị H, qua xác minh bà H không có mặt tại địa phương, nơi

cư trú đi đâu không rõ địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập bà H đến Tòa án làm việc, nhưng bà H vẫn vắng mặt; do đó, bà H không có quan điểm đối với việc giải quyết vụ án

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình T: Buộc bà Lưu Thị H có nghĩa vụ trả nợ ông Lâm Đình T 10 chỉ vàng loại vàng 9999 tương đương số tiền: 90.040.000 đồng. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lưu Thị Huệ Q xác minh không sinh sống tại nơi có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xem là trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lâm Đình T cho bà Lưu Thị H vay 10 chỉ vàng được thể hiện tại giấy biên nhận vay vàng ngày 11/10/2021 hai bên không thống nhất thời gian trả mà chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần bà H sẽ trả nhưng khi ông T cần ông T đòi nhiều lần bà H đã không trả nợ cho ông T.

[3] Bà Lưu Thị H không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập bà H đến Tòa án làm việc, nhưng bà H vẫn vắng mặt; do đó, bà H không có quan điểm đối với vụ án.

[4] Xét thấy, việc cho vay giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nên xác định giấy vàng ngày 11/10/2024 giữa ông T và bà H là hợp pháp. Như vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà H là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Giá vàng loại 9999 trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 20-02-2025 là: 9.040.000 đồng/1 chỉ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông Lâm Đình T được chấp nhận nên bà Lưu Thị H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đình T.

Buộc bà Lưu Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lâm Đình T 90.040.000 đồng (trị giá của 10 chỉ vàng loại vàng 9999).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lưu Thị H phải nộp: 4.520.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- - Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- - Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nguyễn Văn Bốn

Trần Hà Bắc

Trần Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- - Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- - Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân TrườngPhùng Thị Quỳnh

Trần Thị Thu Hiền

Cộng hòa

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn đề nghị

**Kính gửi: Tòa án nhân dân huyện Giao
Thủy**

Điều 467. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao cho bên vay một khoản tiền hoặc vật; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả tiền hoặc vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 468. Hình thức của hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản có thể được giao kết bằng lời nói hoặc bằng văn bản; nếu các bên có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định hợp đồng vay phải được lập thành văn bản, thì phải tuân theo hình thức đó.

Điều 469. Quyền sở hữu đối với tài sản vay

Bên vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó.

Điều 470. Nghĩa vụ của bên cho vay

Bên cho vay có các nghĩa vụ sau đây:

1- Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng vào thời điểm và tại địa điểm đã thoả thuận;

2- Bồi thường thiệt hại cho bên vay, nếu bên cho vay biết tài sản không bảo đảm chất lượng mà không báo cho bên vay biết, trừ trường hợp bên vay biết mà vẫn nhận tài sản đó;

3- Không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định tại Điều 475 của Bộ luật này.

Điều 471. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1- Bên vay tài sản là tiền, thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật, thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

2- Trong trường hợp bên vay không thể trả vật, thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.

3- Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

4- Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng nhà nước tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thoả thuận.

5- Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ, thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng nhà nước tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Điều 472. Sử dụng tài sản vay

Các bên có thể thoả thuận về việc tài sản vay phải được sử dụng đúng mục đích vay; bên cho vay có quyền kiểm tra việc sử dụng tài sản và có quyền đòi lại tài sản vay trước thời hạn, nếu đã nhắc nhở mà bên vay vẫn

sử dụng tài sản trái mục đích.

Điều 473. Lãi suất

1- Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 50% của lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng.

2- Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi trong việc vay, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất, thì áp dụng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Điều 474. Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn

1- Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước trong một thời gian hợp lý, nếu không có thoả thuận khác.

2- Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay trong một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay trong một thời gian hợp lý.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- - Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- - Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vinh Quang

Trần Hà Bắc Trần Thị Thu Hiền